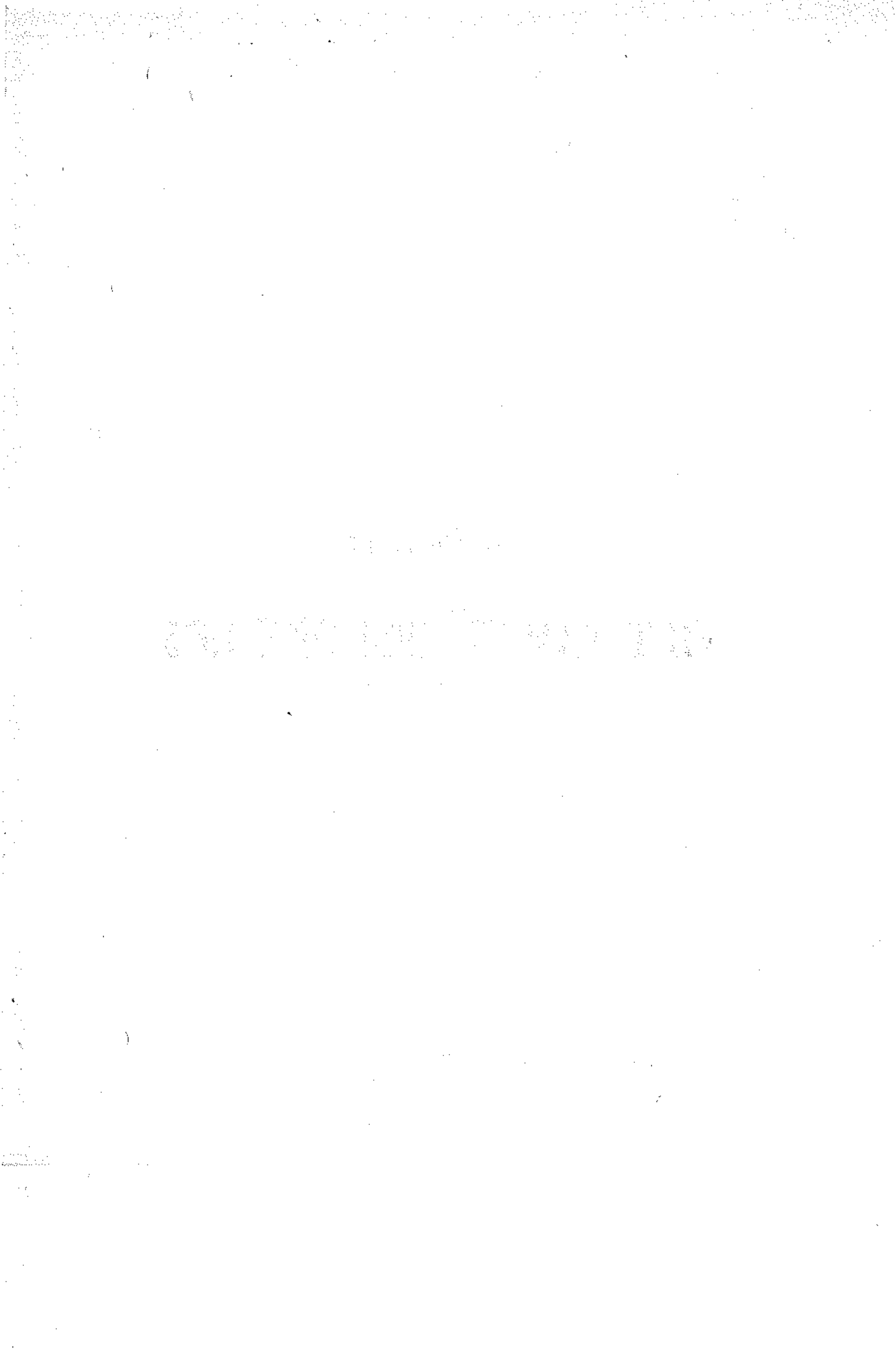


PHẦN HAI

VIỆT NAM TỪ 1954 ĐẾN 1975



Chương V

XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC VÀ ĐẤU TRANH CHỐNG MĨ - NGUY Ở MIỀN NAM (1954 - 1965)

I - TÌNH HÌNH VIỆT NAM SAU HIỆP ĐỊNH GIÔNEVƠ 1954 VÀ NHIỆM VỤ CÁCH MẠNG TRONG THỜI KÌ MỚI

1. Tình hình Việt Nam

Hiệp định Giơnevơ 1954 về Đông Dương được kí kết đã chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp có đế quốc Mĩ giúp sức đối với ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia.

Theo Hiệp định, để thực hiện hoà bình, quân đội hai bên phải ngừng bắn, tập kết, chuyển quân và chuyển giao khu vực. Những điều khoản này sẽ được hai bên thực hiện trong thời gian 300 ngày, kể từ 21-7-1954 đến 19-5-1955.

Ngay từ những ngày đầu, đế quốc Mĩ, bọn phản động Pháp và chính quyền tay sai đã tìm mọi cách gây khó khăn và phá hoại việc thi hành các điều khoản của Hiệp định Giơnevơ. Chúng cố tình khiêu khích, trì hoãn việc thực hiện ngừng bắn trên các chiến trường; tiến hành dụ dỗ và cưỡng bức gần 1 triệu đồng bào công giáo di cư vào Nam. Chúng tháo dỡ, mang đi hoặc phá hoại máy móc, dụng cụ, tài sản công cộng, nhằm làm tê liệt và gây khó khăn cho ta trong việc tiếp quản vùng mới giải phóng. Nhưng do thái độ nghiêm chỉnh và tinh thần đấu tranh kiên quyết của chính phủ và nhân dân ta, nên các điều khoản trên đã được thực hiện đầy đủ và đúng quy định.

Ngày 10 - 10 - 1954, quân ta tiếp quản Thủ đô Hà Nội trong tiếng hoan hô vang dậy của đồng bào. Ngày 1 - 1 - 1955, tại quảng trường Ba Đình lịch sử, hàng chục vạn nhân dân Hà Nội tổ chức cuộc mít tinh trọng thể chào mừng Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh trở về

Thủ đô. Sự kiện lịch sử này đã gây ấn tượng sâu sắc và có ý nghĩa chính trị to lớn đối với đồng bào cả nước.

Ngày 16 - 5 - 1955, tên lính cuối cùng của quân đội viễn chinh Pháp rút khỏi Hải Phòng và đến ngày 22 - 5 - 1955, thì rút khỏi đảo Cát Bà. Miền Bắc Việt Nam sạch bóng quân xâm lược, đánh dấu một thắng lợi to lớn của nhân dân ta.

Trong khi đó, tại miền Nam Việt Nam, thực dân Pháp tiếp tục gây ra những hành động phá hoại Hiệp định mới được kí kết. Ngày 14 - 5 - 1956, Chính phủ Pháp gửi cho hai Chủ tịch Hội nghị Giơnevơ 1954 về Đông Dương bản Thông điệp thông báo về việc quân viễn chinh ở miền Nam Việt Nam rút hết về nước.

Quân đội Pháp rút khỏi miền Nam Việt Nam trong khi còn những điều khoản của Hiệp định có liên quan đến trách nhiệm của họ chưa được thi hành, trong đó có điều khoản về việc tổ chức hiệp thương tổng tuyển cử hai miền Nam - Bắc. Tập đoàn Mĩ - Diệm, kẻ kế tục thực dân Pháp ở miền Nam, là những lực lượng hết sức ngoan cố và trắng trợn trong âm mưu phá hoại Hiệp định Giơnevơ.

Sẵn có ý đồ từ trước, lợi dụng cơ hội Pháp bại trận ở Điện Biên Phủ, ngày 25 - 6 - 1954 Mĩ ép Pháp đưa Ngô Đình Diệm (tay sai của Mĩ) thay thế Bửu Lộc (tay sai của Pháp) lên làm thủ tướng chính phủ bù nhìn ở miền Nam Việt Nam.

Ngày 23 - 7 - 1954, hai ngày sau khi Hiệp định Giơnevơ được kí kết, ngoại trưởng Mĩ Đalét (Dulles) tuyên bố: "Từ nay về sau, vấn đề bức thiết không phải là than tiếc dĩ vãng, mà là lợi dụng thời cơ để việc thất thủ miền Bắc Việt Nam không mở đường cho chủ nghĩa cộng sản bành trướng ở Đông Nam Á và Tây Nam Thái Bình Dương".

Tháng 9 - 1954, Mĩ lôi kéo một số nước (Anh, Pháp, Niu Dilen, Ôxtrâylia, Philippin, Thái Lan và Pakixtan) lập ra khối "Liên minh quân sự Đông Nam Á" (SEATO) và ngang nhiên đặt miền Nam Việt Nam dưới sự bảo trợ của khối này.

Được sự giúp đỡ và chỉ đạo của Mĩ, chính quyền Diệm - với chiêu bài "Quốc gia", "Độc lập" - ra sức phá hoại Hiệp định Giơnevơ. Chúng không những từ chối hiệp thương tổng tuyển cử tự do trong cả nước để thống nhất Việt Nam trong thời hạn hai năm theo điều khoản của Hiệp định, mà còn tổ chức bầu cử riêng rẽ, lập quốc hội lập hiến (3 - 1956), ban hành hiến pháp (10 - 1956).

Tất cả những việc làm trên đây của Mĩ - Diệm nhằm mục đích biến miền Nam Việt Nam thành một quốc gia riêng biệt, thậm chí là một phần lãnh thổ của nước Mĩ. Tháng 5 - 1957, Ngô Đình Diệm tuyên bố tại Oasinhton (Washington): "Biên giới Hoa Kỳ kéo dài đến vĩ tuyến 17".

2. *Nhiệm vụ cách mạng*

Xuất phát từ đặc điểm tình hình đất nước tạm thời bị chia cắt làm hai miền, Đảng và Chính phủ ta đã đề ra cho cách mạng mỗi miền những nhiệm vụ chiến lược thích hợp.

Ở *miền Bắc*, sau khi kháng chiến chống Pháp kết thúc, cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân căn bản hoàn thành, Đảng chủ trương chuyển sang làm cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trước khi thực hiện những nhiệm vụ chiến lược của cách mạng xã hội chủ nghĩa, miền Bắc vừa phải đấu tranh tiếp quản các vùng mới giải phóng, vừa phải hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh. Trong quá trình thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa, có thời kì nhân dân ta phải trực tiếp chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mĩ, đồng thời tích cực xây dựng chủ nghĩa xã hội, làm cho miền Bắc trở thành căn cứ địa cách mạng của cả nước và hậu phương của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

Ở *miền Nam*, do vẫn còn đế quốc và phong kiến tay sai thống trị, Đảng và Chính phủ chủ trương tiếp tục thực hiện cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, nhằm giải phóng miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, tiến tới thống nhất nước nhà.

Như vậy, từ sau Hiệp định Giơnevơ, dưới sự lãnh đạo của một Đảng, nhân dân ta cùng lúc thực hiện hai chiến lược cách mạng khác nhau: chiến lược cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và chiến lược cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam. Đây chính là đặc điểm lớn nhất của cách mạng Việt Nam từ tháng 7 - 1954 đến tháng 5 - 1975.

Nhiệm vụ, mục tiêu của cách mạng mỗi miền xét cho cùng cũng là nhiệm vụ, mục tiêu chung của cách mạng cả nước là *đấu tranh chống đế quốc Mĩ và tay sai, giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, thực hiện một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần vào sự nghiệp của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.*

Mỗi chiến lược cách mạng nhằm giải quyết những yêu cầu cụ thể riêng của từng miền, nhưng có mối quan hệ chặt chẽ, khăng khít với nhau, tạo điều kiện cho nhau cùng phát triển. Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc không chỉ có mục tiêu xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân miền Bắc, mà còn nhằm giải phóng miền Nam và đáp ứng nhu cầu xây dựng đất nước sau khi thống nhất. Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam vừa có nhiệm vụ giải phóng miền Nam, vừa có nhiệm vụ bảo vệ miền Bắc. Phải dùng sức mạnh của cả nước để giải phóng miền Nam, đồng thời cũng phải sử dụng sức mạnh của cả nước để bảo vệ và xây dựng miền Bắc đi lên chủ nghĩa xã hội. Mối quan hệ giữa hai chiến lược cách mạng đồng thời cũng là mối quan hệ giữa hậu phương và tiền tuyến. Thắng lợi giành được ở mỗi miền là thắng lợi chung của sự nghiệp chống Mỹ cứu nước của toàn dân tộc.

Trong mối quan hệ giữa cách mạng hai miền, mỗi chiến lược có một vị trí, vai trò khác nhau. Miền Bắc là hậu phương nên có vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển của cách mạng cả nước cũng như đối với sự nghiệp thống nhất đất nước. Miền Nam là tiền tuyến, nên giữ vai trò quyết định trực tiếp trong việc đánh đổ ách thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai của chúng, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Những nhiệm vụ cách mạng của nhân dân Việt Nam từ sau ngày hoà bình lập lại là hết sức nặng nề. Chính trong hoàn cảnh lịch sử đó, bằng những thắng lợi to lớn đã giành được trong lao động sản xuất và trong chiến đấu, sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng cũng như truyền thống đoàn kết, ý chí thống nhất, kiên cường, bất khuất của dân tộc Việt Nam được thể hiện đậm nét hơn bao giờ hết.

II- MIỀN BẮC HOÀN THÀNH CẢI CÁCH RUỘNG ĐẤT, KHÔI PHỤC KINH TẾ, CẢI TẠO QUAN HỆ SẢN XUẤT (1954 - 1960)

1. Thực trạng kinh tế - xã hội miền Bắc sau năm 1954

Sau ngày được hoàn toàn giải phóng, miền Bắc có thêm những điều kiện chính trị - xã hội thuận lợi, nhưng cũng không ít khó khăn, nhất là về kinh tế, xã hội do hậu quả của chiến tranh để lại.

Trong các vùng nông thôn mới giải phóng, do hậu quả của những cuộc tàn quét theo chính sách "tam quang" (đốt sạch, giết sạch, phá sạch), đồn

dân lập "vành đai trắng" của địch, hàng vạn hecta đất bị bỏ hoang, dê đập bị phá hoại, trâu bò bị giết hại. Nhân công, nông cụ và sức kéo đều thiếu nghiêm trọng. Kỹ thuật canh tác hết sức lạc hậu, đời sống nhân dân thấp kém.

Các thành thị mang nặng tính chất tiêu thụ, sự phồn vinh chỉ là giả tạo. Hàng ngoại tràn ngập thị trường làm cho công nghiệp dân tộc không phát triển được. Thủ công nghiệp bị chèn ép, sa sút hoặc phá sản. Nhiều cơ sở công nghiệp, nhiều nhà máy, xí nghiệp (mỏ than Hồng Gai, nhà máy xi măng Hải Phòng, nhà máy dệt Nam Định, nhà máy điện Hà Nội v.v...) bị địch tháo gỡ thiết bị hoặc phá hoại trước khi rút đi nên không hoạt động được, hoặc chỉ hoạt động cầm chừng. Vì thế, nhiều công nhân thất nghiệp, đời sống gặp khó khăn.

Tại các vùng tự do cũ, tuy nông nghiệp và công nghiệp được chú ý phát triển, nhưng quy mô nhỏ bé, kỹ thuật lạc hậu. Do đó, năng suất thấp, không đáp ứng được nhu cầu sản xuất và đời sống ngày càng tăng lên trong thời bình.

Cuộc cải cách ruộng đất bắt đầu từ cuối năm 1953 cũng chỉ mới thực hiện ở một số địa phương thuộc vùng tự do. Chế độ chiếm hữu ruộng đất của giai cấp địa chủ phong kiến vẫn tồn tại phổ biến. Giai cấp nông dân tuy đã được giải phóng khỏi ách thống trị của đế quốc, nhưng vẫn còn bị giai cấp địa chủ áp bức, bóc lột, ảnh hưởng không tốt đến việc phát triển sản xuất.

Những khó khăn trên cần phải được khắc phục nhanh chóng. Điều này không chỉ do đòi hỏi cấp bách của việc khôi phục và phát triển kinh tế sau chiến tranh, mà còn bao hàm ý nghĩa chính trị sâu sắc, nhất là trong điều kiện nước nhà đang tạm thời bị chia làm hai miền.

Xuất phát từ tình hình trên, Đảng và Chính phủ chủ trương đẩy mạnh cuộc vận động cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, nhằm củng cố miền Bắc, tạo điều kiện đưa miền Bắc bước sang giai đoạn mới.

2. Hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế (1954 – 1957)

Công cuộc phát động quần chúng triệt để giảm tô, cải cách ruộng đất được thực hiện từ cuối năm 1953. Nhưng ta vừa kết thúc đợt 5 giảm tô và đang thực hiện đợt 1 cải cách ruộng đất thì hoà bình lập lại, miền Bắc được giải phóng và bước vào giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa trong khi miền Nam còn phải tiếp tục thực hiện cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

Căn cứ vào hoàn cảnh thực tế và yêu cầu về quyền lợi kinh tế và chính trị của nông dân, củng cố khối liên minh công nông, mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất, Ủy ban cải cách ruộng đất Trung ương ra nghị quyết "Đẩy mạnh phát động quần chúng thực hiện cải cách ruộng đất".

Thực hiện chủ trương của Trung ương, đợt 6 giảm tô và đợt 2 của cải cách ruộng đất là những việc đầu tiên được tiến hành trong hoàn cảnh hoà bình. Từ đó, cuộc phát động quần chúng nông dân bắt đầu lan rộng vào vùng trung du và đồng bằng mới giải phóng. Trong hơn 2 năm (1954-1956), cải cách ruộng đất ở miền Bắc được tiến hành tiếp 4 đợt còn lại (từ đợt 2 đến đợt 5), tổng cộng 3314 xã.

Trải qua 5 đợt cải cách ruộng đất, khoảng 81 vạn héc-ta ruộng đất, 10 vạn trâu bò, 1,8 triệu nông cụ từ tay giai cấp địa chủ được chia cho trên 2 triệu hộ nông dân lao động. Khẩu hiệu "Người cày có ruộng" đã trở thành hiện thực. Giai cấp địa chủ phong kiến bị đánh đổ. Giai cấp nông dân được giải phóng và được đưa lên địa vị người chủ ở nông thôn.

Trong quá trình thực hiện cải cách ruộng đất, chúng ta đã phạm phải một số sai lầm nghiêm trọng do không nắm vững phân định thành phần giai cấp và áp dụng máy móc, giáo điều. Một số nông dân, cán bộ, đảng viên... bị quy nhầm là địa chủ. Một số địa chủ kháng chiến, những người thuộc tầng lớp trên có công với cách mạng cũng bị đưa ra đấu tố. Sai lầm còn thể hiện trong phương pháp đấu tố thô bạo, thiếu phân biệt đối xử...

Căn cứ vào tình hình thực tế nông thôn miền Bắc nước ta sau năm 1954, căn cứ vào số ruộng chia cho nông dân trong cải cách ruộng đất, căn cứ tác hại rất nghiêm trọng của sai lầm cải cách ruộng đất và chính đồn tổ chức, thì "chủ trương cải cách ruộng đất như đã làm là không cần thiết".

Những sai lầm, khuyết điểm đó được Đảng và Chính phủ phát hiện và kịp thời có chủ trương, biện pháp khắc phục, sửa chữa ngay khi kết thúc cải cách. Qua một năm (1957) sửa sai, hậu quả của những sai lầm, khuyết điểm mang tính "tả khuynh" đã được hạn chế nhiều và nhờ đó, ý nghĩa thắng lợi của cải cách ruộng đất vẫn hết sức to lớn. Bộ mặt nông thôn miền Bắc có nhiều thay đổi. Khối liên minh công nông được củng cố. Thắng lợi của cải cách ruộng đất đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc hoàn thành nhiệm vụ khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh.

Khôi phục kinh tế là nhiệm vụ tất yếu trong thời kì đầu sau chiến tranh. Tại kì họp thứ năm Quốc hội khóa I (tháng 9 - 1955), Quốc hội đã đề ra nhiệm vụ trong thời kì khôi phục kinh tế, gồm 3 mặt :

- Khôi phục nền sản xuất bị phá hoại trong chiến tranh.
- Ổn định tình hình kinh tế - tài chính.
- củng cố, phát triển kinh tế quốc doanh và xây dựng bộ phận kinh tế hợp tác xã.

Đây là nhiệm vụ trung tâm của thời kì đầu sau chiến tranh, đã được toàn dân tích cực tham gia hưởng ứng và triển khai trong tất cả các ngành. Yêu cầu của nhiệm vụ này là sau hai năm, về cơ bản phải đạt được mức sản xuất trước chiến tranh, nhằm giảm bớt khó khăn và nâng cao một bước đời sống nhân dân.

a) Khôi phục sản xuất nông nghiệp

Đối với nền kinh tế quốc dân nói chung, nông nghiệp có vị trí quan trọng vì nó cung cấp nguyên liệu, lương thực và tiêu thụ sản phẩm công nghiệp. Đối với miền Bắc nước ta, nói đến khôi phục kinh tế, trước hết và chủ yếu là khôi phục kinh tế nông nghiệp. Phải khôi phục sản xuất nông nghiệp mới giải quyết được vấn đề lương thực, làm cơ sở cho việc khôi phục và phát triển các ngành kinh tế khác, nâng cao mức sống cho nhân dân, do đó, sẽ củng cố vững chắc được khối liên minh công nông. Vì vậy, Đảng và Nhà nước chủ trương lấy khôi phục nông nghiệp làm chủ yếu, trên cơ sở đó khôi phục toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Giai cấp nông dân miền Bắc - với niềm phấn khởi và tin tưởng vô hạn vì mới được giải phóng khỏi ách áp bức, bóc lột của đế quốc, phong kiến và được chia ruộng đất - đã có những cố gắng phi thường để khôi phục và phát triển sản xuất. Vượt qua mọi khó khăn, thiếu thốn, họ ra sức khai hoang, chống hạn, bảo đảm cấy hết diện tích ruộng đất, tăng thêm số trâu bò, sắm thêm nhiều nông cụ... Nhiều đập nước (Đô Lương, Bái Thượng, Thác Huống...), nhiều đoạn đê bị địch phá trong kháng chiến được sửa chữa. Nhiều công trình thủy nông mới được xây dựng, có tác dụng mở rộng diện tích tưới và tiêu nước.

Kết quả đó góp phần tăng nhanh sản lượng lương thực và hoa màu. Trong thời gian này, tổng sản lượng lương thực bình quân hàng năm đạt khoảng 4000000 tấn, vượt xa mức trước chiến tranh (năm 1939: 2407000 tấn). Tổng sản lượng màu quy ra thóc đạt bình quân hàng năm là 680000 tấn, gấp 3 lần mức năm 1939 (220000 tấn). Nạn đói có tính chất "kinh niên" ở miền Bắc bước đầu được giải quyết. Đời sống của nhân dân lao động được cải thiện.

b) Khôi phục sản xuất công nghiệp và thủ công nghiệp

Công nghiệp Việt Nam nói chung và công nghiệp miền Bắc nói riêng bị chính sách thuộc địa của thực dân Pháp kìm hãm, nên rất nhỏ bé. Cơ sở công nghiệp nặng hầu như không có (cuối năm 1954, giá trị sản lượng công nghiệp chỉ chiếm 1,5% tổng giá trị sản lượng công – nông nghiệp). Công nghiệp nhẹ đã nhỏ bé lại bị chiến tranh tàn phá, kĩ thuật lạc hậu.

Từ thực tế đó, Nhà nước chủ trương trước hết phải tập trung khôi phục và phát triển công nghiệp nhẹ, đồng thời củng cố và phát triển các cơ sở công nghiệp nặng trong phạm vi cần thiết và có khả năng.

Giai cấp công nhân nêu cao tinh thần tự lực tự cường kết hợp với việc sử dụng có hiệu quả viện trợ của các nước anh em, đã nhanh chóng khôi phục và mở rộng hầu hết các cơ sở công nghiệp, các nhà máy, xí nghiệp quan trọng, như mỏ than Hồng Gai, nhà máy dệt Nam Định, nhà máy xi măng Hải Phòng, nhà máy điện Hà Nội. Chúng ta còn xây dựng thêm một số nhà máy mới, như nhà máy cơ khí Hà Nội, nhà máy diêm Thống Nhất, nhà máy gỗ Cầu Đuống, nhà máy thuốc lá Thăng Long, nhà máy cá hộp Hải Phòng, nhà máy chè Phú Thọ... Trong đó, việc xây dựng nhà máy cơ khí Hà Nội là sự kiện quan trọng trong lịch sử phát triển công nghiệp ở Việt Nam. Đây là cơ sở đầu tiên của ngành chế tạo máy nước ta. Đến cuối năm 1957, miền Bắc có tất cả 97 nhà máy, xí nghiệp do Nhà nước quản lí.

Cùng với việc khôi phục và phát triển công nghiệp, các ngành thủ công nghiệp miền Bắc cũng được khôi phục nhanh chóng. Đến năm 1957, số thợ thủ công tăng lên gần 460.000 người (gấp 2 lần số thợ thủ công năm 1941, là năm mà ngành thủ công nghiệp phát triển cao nhất trước Cách mạng tháng Tám). Ngành thủ công nghiệp đã cung cấp 58,8% số hàng hoá công nghiệp trong nước. Các ngành sản xuất vật liệu xây dựng, nông cụ, dệt, may mặc, làm muối, mắm... đều vượt mức trước năm 1941.

Nhìn chung trong 3 năm khôi phục kinh tế, giá trị tổng sản lượng công nghiệp và thủ công nghiệp hàng năm tăng khá nhanh, góp phần hàn gắn vết thương chiến tranh, ổn định đời sống nhân dân.

c) Khôi phục ngành thương nghiệp

Sau khi hoà bình được lập lại, ngành thương nghiệp của miền Bắc có nhiều khó khăn. Thị trường miền Bắc gần như ngừng hoạt động do sự lũng đoạn của tư bản Pháp... Nhu cầu cung cấp tăng lên trong khi sản xuất công, nông nghiệp bị tàn phá nặng nề, không đủ sức cung cấp cho thị trường khối lượng hàng hoá cần thiết. Bên cạnh nền thương nghiệp độc lập, tự